TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 142/2025/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 05 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 258/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Thanh Hóa.
Căn cước công dân: 038089013170
2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Thanh Hóa.
Căn cước công dân: 038191008884

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017, đến năm 2025 đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 26/3/2025, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc và luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T và chị H đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của anh T và chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên được công nhận.

[2]. Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Lê Thị H đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Lê Trọng Đức L, sinh ngày 18/9/2017. Anh T và chị H thỏa thuận, chị H trực tiếp nuôi cháu L, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Việc thỏa thuận về việc nuôi con của anh T và chị H phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần công nhận sự thỏa thuận này.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Anh Lê Văn T và chị Lê Thị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn T và chị Lê Thị H thỏa thuận, anh T chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, cần công nhận sự thỏa thuận này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Lê Thị H.

- Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Lê Thị H đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Lê Trọng Đức L, sinh ngày 18/9/2017. Anh T và chị H thỏa thuận, chị H trực tiếp nuôi cháu L, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Lê Văn T và chị Lê Thị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lê Văn T và chị Lê Thị H về việc anh T chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0003150 ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Thanh Hóa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hồng